

Bản án số: 149 / 2020 /DS-PT
Ngày 18-12 - 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu mở đường nước

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Ông Nguyễn Văn Dũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Anh Thảo – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020, về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu mở đường nước*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST, ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 159/2020/QĐ-PT ngày 29/10/2020, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Út B**, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Bị đơn: Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1948 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông **Bạch Sỹ C** – Luật sư Văn phòng Luật sư Bạch Sỹ C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Địa chỉ: khóm C, phường C, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1949 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954(vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị H là bà Nguyễn Thị Út B sinh năm 1964, địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo văn bản ủy quyền ngày 26/4/2019 (bà B có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1969 (vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1970 (vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1973 (có mặt).

6. Bà Lê Thúy H1, sinh năm 1977 (vắng mặt).

7. Ông Trần Văn D, sinh năm 1968 (vắng mặt).

8. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1971 (vắng mặt).

9. Bà Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh năm 1979 (vắng mặt).

10. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của Bà Lê Thúy H, ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị Mỹ D, bà Nguyễn Thị Mỹ H, bà Nguyễn Thị Mỹ D1, ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị Mỹ N là ông Nguyễn Minh P theo các văn bản ủy quyền ngày 10/7/2019 và 13/7/2020. (ông Phụng có mặt)

11. Ngân hàng N Việt Nam

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Nguyễn Thanh K theo văn bản ủy quyền số 98 ngày 17/12/2020. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Khu C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

11. Ông Nguyễn Tấn L1, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: Số 51 ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út B trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha bà B tên Nguyễn Văn N khai phá và sử dụng từ trước năm 1975, năm 1968 thì cha bà B chết và đến năm 1993 thì mẹ bà B là Lê Thị N được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Mỹ Xuyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) tổng diện tích là 28.905m² (bà Năm có các người con là bà Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị Út B và Nguyễn Thị H). Trước đây do đất của chú ruột bà B là ông Nguyễn Văn S (X) không có đường nước nên cha bà đã cho ông S sử dụng chung đường nước này với gia đình bà, sau đó ông S chết gia đình bà đồng ý cho gia đình ông Nguyễn Văn Y là con riêng của vợ ông S tiếp tục sử dụng đường nước này. Năm 2009 thì ông Y chết, vợ con ông Y là bà Võ Thị L ngang

nhằm chiếm đường nước này để sử dụng, đường nước có chiều ngang khoảng 3m, dài khoảng 80m diện tích 240m², nằm trong thửa 237 và thửa 238, tờ bản đồ số 06 trong giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho mẹ bà là Lê Thị N đứng tên QSDĐ. Sau khi đo đạc thẩm định thì phần đường nước tranh chấp có diện tích 199,1m².

Nay bà B yêu cầu gia đình bà L phải hoàn trả lại phần đất là đường nước trên cho bà để bà sử dụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà B thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà B không đòi bà L trả lại đường nước nữa mà bà B đồng ý cho bà L được quyền sử dụng chung đường nước tranh chấp này và từ nay trở về sau bà L không được tranh chấp nữa, bà B không nhận tiền trị giá đất và không đồng ý cắt đứt chuyển quyền sử dụng đất cho bà L vì bà B cho rằng bà không bán đất cho bà L và bà cũng có nhu cầu sử dụng chung đường nước này.

- Bị đơn bà Võ Thị L trình bày: Nguồn gốc đường nước tranh chấp trước đây cha chồng của bà là ông Nguyễn Văn S (X) để lại cho chồng bà là ông Nguyễn Văn Y sử dụng từ năm 1961 đến nay (bà L và ông Y có các con chung gồm ông P, ông C, bà D, bà N, bà H, bà D1, con rể là ông D, con dâu là bà H1). Ông Y được cấp giấy chứng nhận QSDĐ tổng diện tích là 28.199m² trong này có thửa số 222, tờ bản đồ số 06 tọa lạc ấp H, xã H1, huyện M là giáp ranh với đất của gia đình bà Út B, do trước đây đo đạc không chính xác nên phần đất đường nước này chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho gia đình bà. Hiện nay con của bà L là anh Nguyễn Minh P, chị Lê Thúy H1, chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Trần Văn D đang sử dụng phần đường nước này. Nay bà L không thống nhất theo yêu cầu của bà B và bà L có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án công nhận cho bà được quyền sử dụng hợp pháp phần đất đường nước này, bà sẽ trả cho bà L trị giá đất theo quy định.

Tại phiên tòa bà L thay đổi một phần yêu cầu phản tố, cụ thể bà L yêu cầu Tòa án giải quyết mở đường nước, công nhận cho bị đơn được quyền sử dụng đường nước đang tranh chấp và bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn bằng giá trị QSDĐ đối với phần đất là đường dẫn nước lấn chiếm số đo thực tế là 199,1m² tại thửa số 237, thửa 238 tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST, ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

- Áp dụng Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, ; Điều 158; Khoản 1 Điều 165; Điều 271; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

- Điều 253 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 12, Khoản 3 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út B.

- Buộc bị đơn bà Võ Thị L phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Út B phần đất đường nước tranh chấp có diện tích theo số đo thực tế là $199,1\text{m}^2$ theo giá trị bằng tiền là 5.973.000đ (Năm triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

- Ổn định cho bị đơn bà Võ Thị L được quyền sử dụng phần đất là đường nước đang tranh chấp nêu trên hiện bị đơn đang sử dụng có diện tích theo số đo thực tế là $199,1\text{m}^2$ tọa lạc tại các thửa số 237 và 238, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do bà Lê Thị N đứng tên trong giấy chứng nhận QSDĐ, phần đất có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp với sông Đình H có số đo 03m.
- + Hướng Tây giáp với phần đất của bà Nguyễn Thị Út B có số đo 03m.
- + Hướng Nam giáp với đất ông Nguyễn Thanh H có số đo 66,6m;
- + Hướng Bắc giáp với đất bà Nguyễn Thị Út B có số đo 66,59m.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết mở đường nước, công nhận cho bị đơn được quyền sử dụng đường nước đang tranh chấp.

Bị đơn được quyền sử dụng phần đất là đường nước đang tranh chấp nêu trên có diện tích theo số đo thực tế là $199,1\text{m}^2$ tọa lạc tại các thửa số 237 và 238, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do bà Lê Thị N đứng tên trong giấy chứng nhận QSDĐ, phần đất có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp với sông Đình Hòa Tú có số đo 03m.
- + Hướng Tây giáp với phần đất của bà Nguyễn Thị Út B có số đo 03m.
- + Hướng Nam giáp với đất ông Nguyễn Thanh H có số đo 66,6m;
- + Hướng Bắc giáp với đất bà Nguyễn Thị Út B có số đo 66,59m.

- Kiến nghị UBND huyện Mỹ Xuyên điều chỉnh Giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho bà Lê Thị N, ngày 10/5/1993, đối với thửa 237; 238, tờ bản đồ số 06, bị đơn có quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ diện tích là $199,1\text{m}^2$ theo quy định của pháp luật (Trên cơ sở điều chỉnh giấy chứng nhận QSDĐ của bà Lê Thị N).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chi phí giám định chữ ký chữ viết, án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 20/8/2020 bà Nguyễn Thị Út B là nguyên đơn và ông Nguyễn Tấn L1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Út B vẫn cho gia đình bà L sử dụng đường nước $199,1\text{m}^2$ thuộc thửa 237-238, không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L phần đường nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Út B và ông Nguyễn Tấn L1 không rút lại đơn kháng cáo, bà Nguyễn Thị Út B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 bác kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn L1 là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Nội dung vụ án:

Phần đất tranh chấp giữa bà B và bà L là phần đất đường dẫn nước tọa lạc tại các thửa số 237 và 238, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do bà Lê Thị N đứng tên trong giấy chứng nhận QSDĐ, với diện tích theo đo đạc thực tế là 199,1m², có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp với sông Đình Hòa Tú có số đo 03m.
- + Hướng Tây giáp với phần đất của bà Nguyễn Thị Út B có số đo 03m.
- + Hướng Nam giáp với đất ông Nguyễn Thanh H có số đo 59,56m;
- + Hướng Bắc giáp với đất bà Nguyễn Thị Út B có số đo 66,59m.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận nguồn gốc phần đất tranh chấp này của ông Nguyễn Văn T, ông T là ông nội của bà Út B và ông nội chồng của bà Võ Thị L. Tại phiên tòa phúc thẩm cả nguyên đơn và bị đơn đều khai thống nhất phần đất có đường nước nêu trên do gia đình bà L sử dụng đường nước này liên tục, công khai từ hơn 50 năm cho đến năm 2019 mới xảy

ra tranh chấp và đường nước này gia đình bị đơn sử dụng vào mục đích nuôi thủy sản, phía nguyên đơn từ trước đến năm 2019 không sử dụng đường nước này mà nguyên đơn có đường nước riêng khác để sử dụng, đến khoảng năm 2019, nguyên đơn lấp đường nước nên xảy ra tranh chấp.

[3]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Út B và ông Nguyễn Tấn L1 về việc thống nhất cho bị đơn được quyền sử dụng đường nước, nhưng không đồng ý làm thủ tục tách bộ sang tên theo quy định đối với phần đất là đường dẫn nước lấn chiếm số đo thực tế là 199,1m² tại thửa số 237, thửa 238 tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Phần đường nước tranh chấp có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn T, (ông T là ông nội của bà Út B và ông nội chồng của bà Võ Thị L). Khi ông T lớn tuổi đã chia cho ba, mẹ của bà Út B là ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị N 04 thửa đất là thửa 223, 234, 237, 238 và chia cho ông Nguyễn Văn X (S) và bà Nguyễn Thị U là ba mẹ chồng của bà L (chồng bà L là ông Nguyễn Văn Y) 02 thửa đất 222 và 426, phần đất này nằm sau các phần đất của phía gia đình bà B được phân chia nên ông bà nội có để cho gia đình bà L sử dụng phần đường nước từ năm 1961 cho đến nay, ngoài đường nước này thì bà L không còn đường nước nào khác để sử dụng.

[3.2] Về quá trình sử dụng đường nước này, gia đình bà L sử dụng trên 50 năm, sử dụng vào việc nuôi tôm, gia đình bà B không có sử dụng đường nước này. Gia đình bà B sử dụng đường nước khác cho đến năm 2019 bà B muốn sử dụng chung đường nước với đường nước mà gia đình bà L đang sử dụng nên xảy ra tranh chấp điều này được nguyên đơn, bị đơn, người có liên quan và các nhân chứng ông Nguyễn Thanh H, bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Hoàng N, ông Lương Đắc C đều khai thống nhất là *đường nước này ông Nguyễn Văn X là cha ruột của ông Y sử dụng, sau đó ông Nguyễn Văn Y sử dụng, sau khi ông Y mất thì bà L và các con của bà và ông Y sử dụng cho đến nay, ngoài đường nước này gia đình bà L không còn đường nước nào khác để sử dụng* (bút lục 187- 192)

[3.3] Về quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Xét về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ:

- Đối với phần đất của gia đình bà B do bà Lê Thị N đứng tên trong giấy chứng nhận QSDĐ được cấp năm 1993, có tổng diện tích 28.905m².

- Đối với phần đất của bị đơn đang sử dụng có tổng diện tích là 28.199m² đã được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên cấp giấy chứng nhận QSDĐ năm 1993 do ông Nguyễn Văn Y (là chồng của bà L) đứng tên quyền sử dụng đất.

Theo văn bản số 872/UBND-VP, ngày 12/12/2019 của UBND huyện Mỹ Xuyên thì phần đất đường nước đang tranh chấp nằm trong thửa đất số 237 và thửa 238, tờ bản đồ số 06 đã được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp cho bà Lê Thị N đứng tên quyền sử dụng đất và trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Năm là cấp đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Xét thấy, tại thời điểm nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

(ngày 10/5/1993) thì gia đình của bị đơn đang sử dụng phần đường nước này trên 30 năm, sử dụng ổn định, công khai, ngay tình, không tranh chấp. Theo quy định tại Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015 thuộc trường hợp xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu do chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật, đồng thời khi Nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho bà N là cấp đại trà, không có tiến hành đo đạc nên việc cấp quyền sử dụng đất cho bà Năm đối với phần đường nước là cấp không đúng đối tượng và chưa phù hợp với thực tế sử dụng đất.

[3.4] Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bà Võ Thị L tự nguyện hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất đối với phần đường nước nêu trên cho gia đình bà Út B, sau khi xét xử sơ thẩm bà L thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm về phần buộc bà L hoàn trả cho bà Út B giá trị 199,1m² là 5.973.000 đồng không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét lại.

[3.5] Ngoài đường nước này thì phía bà L không còn đường nước nào khác để sử dụng. Do vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận mở đường nước cho bà L là có căn cứ. Do đường nước này sử dụng vào mục đích gia đình bà L nuôi tôm, không thể sử dụng chung đường nước nên cấp sơ thẩm ổn định cho bà L sử dụng đường nước trên và hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà B, đồng thời bà L liên hệ với UBND huyện Mỹ Xuyên điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có biến động là có căn cứ. Kháng cáo của ông Nguyễn Tấn L1 và bà Nguyễn Thị Út B là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Lời đề nghị của vị Kiểm sát viên và trình bày của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Tuy nhiên, phần quyết định cấp sơ thẩm tuyên chưa phù hợp với mẫu viết bản án và cấp phúc thẩm bổ sung phần lỗi chậm thi hành án nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp, để thi hành bản án. Giai đoạn thi hành án sử dụng bản án phúc thẩm để thi hành.

[6] Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Út B và ông Nguyễn Tấn L1 mỗi người phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Tấn L1 và bà Nguyễn Thị Út B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Như sau:

- Áp dụng Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157 ; Điều 158; Khoản 1 Điều 165; Điều 271; khoản 1 Điều

227, khoản 1 Điều 228, Khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

- Điều 253 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 12, Khoản 3 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út B.

2/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Võ Thị L.

3/ Ổn định và giao cho bị đơn bà Võ Thị L được quyền sử dụng phần đất là đường nước (hiện bị đơn bà Võ Thị L đang sử dụng) có diện tích theo số đo thực tế là 199,1m² tọa lạc tại các thửa số 237 và 238, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do bà Lê Thị N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất có tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp với sông Đình H có số đo 03m.

+ Hướng Tây giáp với phần đất của bà Nguyễn Thị Út B có số đo 03m.

+ Hướng Nam giáp với đất ông Nguyễn Thanh H có số đo 66,6m;

+ Hướng Bắc giáp với đất bà Nguyễn Thị Út B có số đo 66,59m.

(có sơ đồ kèm theo)

4/ Buộc bị đơn bà Võ Thị L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Út B giá trị phần đất đường nước có diện tích theo số đo thực tế là 199,1m² nêu trên bằng tiền là 5.973.000 đồng (*Năm triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu L1 pháp luật, bà Nguyễn Thị Út B có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Võ Thị L còn phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị Út B theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

5/ Kiến nghị UBND huyện Mỹ Xuyên điều chỉnh Giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp cho bà Lê Thị N, ngày 10/5/1993, đối với thửa 237; 238, tờ bản đồ số 06, bị đơn có quyền đăng ký để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ diện tích là 199,1m² nêu trên theo quy định của pháp luật (Trên cơ sở điều chỉnh giấy chứng nhận QSDĐ của bà Lê Thị N).

6/ Án phí dân sự sơ thẩm

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út B không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005518, ngày 12/4/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn bà Võ Thị L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7/ Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Tổng cộng là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), bị đơn bà Võ Thị L phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá số tiền là 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*). Do bị đơn bà Võ Thị L đã đóng tạm ứng số tiền 7.061.793 đồng (*bảy triệu không trăm sáu mươi một ngàn bảy trăm chín mươi ba đồng*), nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út B đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định, định giá số tiền 1.938.207 đồng (*một triệu chín trăm ba mươi tám ngàn hai trăm lẻ bảy đồng*). Vì vậy bị đơn bà Võ Thị L còn phải hoàn trả chi phí thẩm định, định giá cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út B số tiền 1.938.207 đồng (*một triệu chín trăm ba mươi tám ngàn hai trăm lẻ bảy đồng*).

8/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Út B và ông Nguyễn Tấn L1 mỗi người phải chịu là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) khấu trừ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0005538 (bà Nguyễn Thị Út B) và 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005539 (ông Nguyễn Tấn L1) cùng ngày 30/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Nguyễn Thị Út B, và ông Nguyễn Tấn L1 đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

9/ Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

10/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THA.DS huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Thị Thúy Nga